TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-ST
Ngày: 19-11-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊNGIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chọn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1961.

2. Đồng bị đơn: Vợ chồng chị Lâm Thị L (L), sinh năm 1975 và anh Ngô Văn C, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày và yêu cầu như sau*:**

Vào ngày 02/3/2002 bà có cho vợ chồng chị L (L) và anh C vay 1.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 80.000 đồng/tháng/1 triệu đồng; đến ngày 04/9/2011 bà tiếp tục cho vợ chồng chị L vay thêm 500.000 đồng, thỏa thuận không tính lãi, tổng cộng hai lần vay là 1.500.000 đồng vốn. Khi vay giữa hai bên có viết giấy vay tiền, từ khi vay đến nay vợ chồng chị L, anh C chưa trả cho bà lần nào. Tại Tòa bà H yêu cầu vợ chồng chị L trả cho bà 1.500.000 đồng tiền vốn và lãi 1.000.0000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng chị L, anh C trả vốn 1.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đồng bị đơn vợ chồng chị Lâm Thị L và anh Ngô Văn C : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho vợ chồng chị L, anh C nhưng anh chị không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tài liệu, chứng cứ thu thập liên quan đến vụ án gồm có: Giấy vay tiền; đơn xác nhận nơi cư trú; đơn yêu cầu; biên bản vắng mặt và biên bản vắng mặt lần II. Tất cả đều do nguyên đơn cung cấp.

***Tại phiên tòa*:**

Nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu anh Ngô Văn C và chị Lâm Thị L trả cho bà số tiền vay vốn 02 lần vay mượn là 1.500.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bị đơn anh Ngô Văn C và chị Lâm Thị L (L) vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu đồng bị đơn trả số nợ vốn 1.500.000 đồng. Căn cứ giấy vay tiền đề ngày 2/3/2002 do bà H cung cấp có chữ ký của vợ chồng chị L, C có vay tổng cộng số tiền vốn 1.500.000 đồng nên yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu đồng bị đơn anh Ngô Văn C và chị Lâm Thị L (L) trả tiền vay còn nợ 1.500.000 đồng, đồng bị đơn đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho phía đồng bị đơn tất cả các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng đồng bị đơn đều vắng mặt đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi Tòa án thu lý vụ án giải quyết đến khi xét xử, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà Trần Thị H yêu cầu vợ chồng anh C và chị L (L) trả cho bà số tiền vay vốn còn nợ là 1.500.000 đồng, còn phía vợ chồng anh C và chị L không ý kiến yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hai.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là giấy vay tiền (BL: 04) do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy phía đồng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không yêu cầu gì khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên thống nhất xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ các phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hai, buộc vợ chồng anh C và chị L (L) có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền còn nợ là 1.500.000 đồng vốn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trần Thị H , nếu anh Ngô Văn C, chị Lâm Thị L (L) không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền từng lần hẹn trả nêu trên thì hàng tháng anh C, chị L (L) còn phải trả cho chị Hai một

khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[5] Về án phí vụ kiện: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng;

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005621 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu vợ chồng chị Lâm Thị L và anh Ngô Văn C trả số tiền vốn 1.500.000 đồng.

Buộc vợ chồng anh Ngô Văn C và chị Lâm Thị L (L) có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H tiền vay vốn gốc là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị H, nếu vợ chồng anh Ngô Văn C và chị Lâm Thị L (L) không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền còn nợ nêu trên thì hàng tháng anh C và chị L (L) còn phải trả cho bà H thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền vốn còn nợ và thời gian chậm thi hành án.

2/. Về án phí vụ kiện:

Buộc vợ chồng anh Ngô Văn C và chị Lâm Thị L (L) có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005621 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3/. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/11/2018. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chọn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (T).